



shā chē

煞车

verb · to brake (a vehicle)

Example Sentences

sī jī tū rán shā chē

司机突然煞车。

The driver suddenly braked.

xià pō shí yào jí shí shā chē

下坡时要及时煞车。

You need to brake in time when going downhill.

tā yòng lì cǎi xià shā chē tà bǎn chē zi cái tíng xià lái

他用 力踩下煞车踏板，车子才停下来。

He pressed the brake pedal hard, and only then did the car stop.

Trace each character, then write the word on your own.

煞	煞	煞	煞	煞	煞	煞	煞	煞	煞	煞
煞	煞	煞	煞	煞						

车	车	车	车	车	车	车				